

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) đã được soát xét.

**Khái quát về Tập đoàn**

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 số 0500313811 ngày 07 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (chuyển đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 09 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp).

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 8 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

***Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8: 79.968.970.000 VND***

***Trụ sở hoạt động:***

Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội  
Điện thoại : 04 33 545 735  
Fax : 04 33 542 280  
Mã số thuế : 0500313811

***Các đơn vị trực thuộc:***

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Sông Đà 11.1	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh Sông Đà 11.5	KĐT Văn Quán, Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội
Chi nhánh Sông Đà 11.9	Xã Hồ Bốn, Mù Căng Chải, Yên Bái
Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạm, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
Chi nhánh Sông Đà 11.7	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

***Ngành nghề kinh doanh:***

- Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông và bưu điện;
- Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị; Quản lý vận hành kinh doanh bán điện;
- Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV; Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp; Xây lắp kết cấu công trình;
- Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới thi công xây dựng và công nghệ xây dựng;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện, tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện - điện tử và tự động hóa;
- Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai, bia hộp);
- Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch: vận tải hàng hóa đường bộ;
- Xây dựng và lắp đặt các nhà máy xử lý nước sạch và xử lý nước thải; Xây dựng các nhà máy thủy điện, sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm;
- Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, chiếu sáng, thông gió, điều hòa, thông tin và điều khiển của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;
- Cung cấp, mua bán, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy.

### ***Các công ty con***

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Số 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	Số 4703000491 thay đổi lần thứ nhất ngày 29/12/2009	51%
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long	BT3, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	Số 050058951 thay đổi lần thứ 4 ngày 11/5/2010	36%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	Bản Tin Tộc, Xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Số 5500378582 thay đổi lần thứ 3 ngày 18/8/2009	56%

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 38).

### **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### ***Hội đồng quản trị***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	21 tháng 04 năm 2010
Ông Nguyễn Đăng Bí	Ủy viên	21 tháng 04 năm 2010
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	21 tháng 04 năm 2010
Ông Đoàn Ngọc Ly	Ủy viên	21 tháng 04 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Sơn	Ủy viên	21 tháng 04 năm 2010

#### ***Ban kiểm soát***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Anh Vinh	Trưởng ban	21 tháng 04 năm 2010
Ông Ngô Văn Đễ	Thành viên	21 tháng 04 năm 2010
Ông Đặng Xuân Thu	Thành viên	21 tháng 04 năm 2010

# **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

## ***Ban Tổng Giám đốc***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	29 tháng 04 năm 2010
Ông Nguyễn Đăng Bí	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2004
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 03 năm 2006
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 08 năm 2010

## **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

## **Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**

---

**Nguyễn Văn Sơn**

Ngày 25 tháng 8 năm 2011

Số: 358/2011/BCTC-KTTV-KT3

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 25 tháng 8 năm 2011, từ trang 06 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Phó Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

---

**Nguyễn Thị Tư**

*Số chứng chỉ KTV: Đ.0059/KTV*

Hà nội, ngày 25 tháng 8 năm 2011

---

**Lê Xuân Bách**

*Số chứng chỉ KTV: 1305/KTV*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****(Dạng đầy đủ)****Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>685,382,613,825</b>	<b>549,621,166,621</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>26,807,029,199</b>	<b>35,570,745,666</b>
1. Tiền	111		17,807,029,199	26,770,745,666
2. Các khoản tương đương tiền	112		9,000,000,000	8,800,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>360,349,440,848</b>	<b>339,616,838,637</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	295,291,809,930	288,226,733,922
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	60,740,657,732	48,090,409,239
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	4,787,748,591	3,770,470,881
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(470,775,405)	(470,775,405)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>256,397,613,880</b>	<b>148,069,773,347</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	256,397,613,880	148,069,773,347
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>41,828,529,898</b>	<b>26,363,808,971</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	594,812,667	53,592,954
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7,274,865,366	4,762,577,213
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	33,958,851,865	21,547,638,804

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>226,335,967,323</b>	<b>224,314,348,286</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-

1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>175,724,280,553</b>	<b>172,022,211,372</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	134,048,924,902	119,193,988,751
<i>Nguyên giá</i>	222		182,095,596,536	162,623,800,510
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(48,046,671,634)	(43,429,811,759)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5,731,959,215	5,818,432,733
<i>Nguyên giá</i>	228		6,827,290,426	6,827,290,426
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,095,331,211)	(1,008,857,693)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	35,943,396,436	47,009,789,888
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>42,590,648,383</b>	<b>43,971,787,569</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	15,938,648,383	17,319,787,569
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	26,652,000,000	26,652,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5,616,038,387</b>	<b>5,545,349,345</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	5,605,538,387	5,502,349,345
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	10,500,000	43,000,000
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	V.16	<b>2,405,000,000</b>	<b>2,775,000,000</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>911,718,581,148</b>	<b>773,935,514,907</b>

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>687,192,306,545</b>	<b>548,448,867,148</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>621,286,817,602</b>	<b>481,301,254,642</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	125,590,524,233	94,733,758,507
2. Phải trả người bán	312	V.18	193,298,917,345	165,403,123,369
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	179,262,975,092	135,498,787,522
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	12,052,412,855	10,996,661,823
5. Phải trả người lao động	315		31,641,784,337	27,513,746,390
6. Chi phí phải trả	316	V.21	43,033,803,727	14,569,225,152
7. Phải trả nội bộ	317		-	-

8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	34,332,461,437	31,226,338,649
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	2,073,938,576	1,359,613,230
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>65,905,488,943</b>	<b>67,147,612,506</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	61,704,541,233	61,704,541,233
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	1,109,438,870	1,117,802,658
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.26	3,091,508,840	4,325,268,615
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>170,947,733,320</b>	<b>168,851,793,839</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.27</b>	<b>170,947,733,320</b>	<b>168,851,793,839</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		79,968,970,000	79,968,970,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32,546,580,408	32,296,580,408
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(128,058,585)	(128,058,585)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		38,437,015,825	32,213,253,801
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,831,578,038	2,941,472,470
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16,291,647,634	21,559,575,745
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>V.28</b>	<b>53,578,541,283</b>	<b>56,634,853,920</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>911,718,581,148</b>	<b>773,935,514,907</b>

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		8,092,639,768	8,092,639,768
5. Ngoại tệ các loại:			-
Dollar Mỹ (USD)		-	-

Euro (EUR)	-	-
Dollar Singapore (SGD)	-	-
Yên Nhật (¥)	-	-
Dollar Úc (AUD)	-	-
Bảng Anh (£)	-	-
Dollar Canada (CAD)	-	-
...	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2011

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

---

**Phạm Thị Dung**

---

**Trần Văn Ngự**

---

**Nguyễn Văn Sơn**



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	273,873,789,462	312,386,741,514
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18,181,112	33,689,615
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		273,855,608,350	312,353,051,899
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	221,928,454,936	269,013,351,793
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51,927,153,414	43,339,700,106
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,020,222,009	3,881,545,484
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15,421,157,418	9,413,696,477
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14,666,696,262	9,271,308,366
8. Chi phí bán hàng	24		-	45,766,545
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	24,118,478,564	21,390,157,667
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13,407,739,441	16,371,624,901
11. Thu nhập khác	31	VI.6	906,267,119	3,458,515,130
12. Chi phí khác	32	VI.7	164,011,761	927,156,161
13. Lợi nhuận khác	40		742,255,358	2,531,358,969
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.8	742,827,801	1,995,843,634
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,892,822,600	20,898,827,504
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	3,710,835,103	4,879,987,241
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11,181,987,497</u>	<u>16,018,840,263</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1,884,187,401	3,821,003,522
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		9,297,800,096	12,197,836,741

19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

70

VI.9

1,163

2,442

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2011

Tổng Giám đốc

\_\_\_\_\_  
Phạm Thị Dung

\_\_\_\_\_  
Trần Văn Ngự

\_\_\_\_\_  
Nguyễn Văn Sơn

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14,892,822,600	20,898,827,504
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		6,530,876,600	5,933,893,245
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái ch	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(789,181,957)	(3,567,629,116)
- Chi phí lãi vay	06		14,666,696,262	9,271,308,366
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35,301,213,505	32,536,399,999
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24,068,825,846)	(91,570,119,755)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(108,327,840,533)	19,999,809,781
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		89,070,147,807	21,307,863,960
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(644,408,755)	(1,659,574,073)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(14,682,126,551)	(10,146,494,656)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,072,216,012)	(3,524,061,385)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		30,200,000	506,193,759
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1,046,131,864)	(1,022,693,759)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>(26,439,988,249)</b>	<b>(33,572,676,129)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10,270,660,293)	(21,747,673,771)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		367,336,364	44,565,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(6,076,615,421)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	39,324,903,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị	25		(3,731,730,120)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27		459,560,105	3,423,064,116

*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động* 30

(13,175,493,944)

14,968,242,924

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát l	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận đư	33		112,518,432,124	59,754,482,886
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(81,661,666,398)	(110,568,199,376)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở	36		(5,000,000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động</i>	<i>40</i>		<u><b>30,851,765,726</b></u>	<u><b>(50,813,716,490)</b></u>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(8,763,716,467)</b>	<b>(69,418,149,695)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu nă</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>35,570,745,666</b>	<b>103,770,066,739</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<u><b>26,807,029,199</b></u>	<u><b>34,351,917,044</b></u>

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngư

Nguyễn Văn Sơn

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Sông Đà 11 (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

của công ty mẹ : Công ty cổ phần

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

: Sản xuất, Xây dựng

#### 3. Hoạt động kinh doanh chính :

- Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bu điện;
- Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
- Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;
- Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

#### 4. Tổng số các công ty con :

03

*Trong đó:*

Số lượng các công ty con được hợp nhất:

03

Số lượng các công ty con không được hợp nhất:

-

#### 5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Số 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	66,47%	51%
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long	BT3, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	36%	60%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	Bản Tin Tộc, Xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	56%	60%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### **6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật điện Sông Đà	Tầng 5 TTTM, số 08 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	36,12%	36,12%
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	Tòa nhà HH4, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	36%	36%

### **7. Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 Tập đoàn có 1.009 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 1.676 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **3. Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### 4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị sổ sách thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### 5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định trên cơ sở giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ theo công thức sau:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất kinh doanh} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{tính trước} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{phụ phí} \\ \text{(nếu có)} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{ước tính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Lãi vay} \\ \text{ước tính} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

### **9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà***

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

### **10. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### **11. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### **13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

### **14. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

### **15. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu hoạt động xây lắp***

Doanh thu của Công ty chủ yếu từ hoạt động xây lắp, được ghi nhận trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành đã có Biên bản nghiệm thu và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### **18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

#### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.658.059.038	2.338.671.820
Tiền gửi ngân hàng	11.415.182.299	24.196.499.384
Tiền đang chuyển	733.787.862	235.574.462
Các khoản tương đương tiền	9.000.000.000	8.800.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	<u>9.000.000.000</u>	<u>8.800.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>26.807.029.199</u></b>	<b><u>35.570.745.666</u></b>

### **2. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về khối lượng xây lắp	276.178.008.348	268.005.985.660
Phải thu về cung cấp điện, nước, vật liệu xây dựng	16.747.490.599	17.931.933.453
Phải thu tiền bán thành phẩm	<u>2.366.310.983</u>	<u>2.288.814.809</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>295.291.809.930</u></b>	<b><u>288.226.733.922</u></b>

### **3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về khối lượng xây lắp	57.477.853.752	42.140.696.346
Trả trước cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị	3.024.421.530	5.913.962.893
Trả trước cho nhà cung cấp điện	30.045.000	-
Trả trước cho nhà cung cấp dịch vụ	208.337.450	-
Trả trước cho nhà cung cấp khác	-	35.750.000
<b>Cộng</b>	<b><u>60.740.657.732</u></b>	<b><u>48.090.409.239</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT, BHTN phải thu CBCNV	608.018.133	320.326.042
Thuế TNCN phải thu CBCNV	49.627.307	-
Tiền lãi trái phiếu dự thu	-	511.597.222
Tiền ăn phải thu CBCNV	317.503.403	221.972.046
Tiền vay lương của CBCNV	435.511.771	154.552.247
Phải thu các đội công trình	833.185.893	2.000.000
Tiền đền bù đã trả hộ chủ đầu tư chưa quyết toán	769.126.870	513.992.521
Các khoản phải thu khác	1.774.775.214	2.046.030.803
<b>Cộng</b>	<b><u>4.787.748.591</u></b>	<b><u>3.770.470.881</u></b>

### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(470.775.405)	(470.775.405)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	-	(83.408.128)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	(83.408.128)	(23.131.500)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên</i>	(387.367.277)	(364.235.777)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(470.775.405)</u></b>	<b><u>(470.775.405)</u></b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	470.775.405	48.015.631
Trích lập dự phòng bổ sung	-	470.775.405
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Giảm khác	-	(48.015.631)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>470.775.405</u></b>	<b><u>470.775.405</u></b>

### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	4.211.203.184	153.135.570
Nguyên liệu, vật liệu	25.480.310.667	18.733.542.821
Công cụ, dụng cụ	562.626.584	413.378.433
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	225.887.281.709	127.733.408.175
Thành phẩm	256.191.736	1.036.308.348
<b>Cộng</b>	<b><u>256.397.613.880</u></b>	<b><u>148.069.773.347</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	-	25.592.954
Chi phí sửa chữa tài sản	594.812.667	-
Chi phí thuê nhà	-	28.000.000
<b>Cộng</b>	<b>594.812.667</b>	<b>53.592.954</b>

### 8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	33.621.120.001	21.489.138.804
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	287.731.864	8.500.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>33.958.851.865</b>	<b>21.547.638.804</b>

### 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	57.009.731.010	70.341.313.719	32.775.357.049	2.497.398.732	162.623.800.510
Tăng trong kỳ	20.361.396.837	727.613.636	-	248.043.272	21.337.053.745
<i>XDCB hoàn thành</i>	<i>20.361.396.837</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>20.361.396.837</i>
<i>Mua sắm mới</i>	<i>-</i>	<i>727.613.636</i>	<i>-</i>	<i>248.043.272</i>	<i>975.656.908</i>
Giảm trong kỳ	-	(1.289.721.320)	-	(575.536.399)	(1.865.257.719)
<i>Do thanh lý</i>	<i>-</i>	<i>(1.289.721.320)</i>	<i>-</i>	<i>(575.536.399)</i>	<i>(1.865.257.719)</i>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>77.371.127.847</b>	<b>69.779.206.035</b>	<b>32.775.357.049</b>	<b>2.169.905.605</b>	<b>182.095.596.536</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	9.820.793.235	18.633.579.219	13.270.537.650	1.704.901.655	43.429.811.759
Tăng trong kỳ	1.673.421.127	2.576.299.080	2.017.931.062	176.751.813	6.444.403.082
<i>Do trích khấu hao</i>	<i>1.673.421.127</i>	<i>2.576.299.080</i>	<i>2.017.931.062</i>	<i>176.751.813</i>	<i>6.444.403.082</i>
Giảm trong kỳ	-	(1.252.006.808)	-	(575.536.399)	(1.827.543.207)
<i>Do thanh lý</i>	<i>-</i>	<i>(1.252.006.808)</i>	<i>-</i>	<i>(575.536.399)</i>	<i>(1.827.543.207)</i>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.494.214.362</b>	<b>19.957.871.491</b>	<b>15.288.468.712</b>	<b>1.306.117.069</b>	<b>48.046.671.634</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	47.188.937.775	51.707.734.500	19.504.819.399	792.497.077	119.193.988.751
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>65.876.913.485</b>	<b>49.821.334.544</b>	<b>17.486.888.337</b>	<b>863.788.536</b>	<b>134.048.924.902</b>

Tài sản cố định của Nhà máy thủy điện Thác Trắng có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 83.017.105.614 VND và 65.398.639.776 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên.

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là: 4.496.098.879 VND và 3.606.386.902 VND đã được thế chấp đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung; 948.501.273 VND và 889.219.941 VND đã được thế chấp đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hà Nội

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Giá trị lợi thế kinh doanh</u>	<u>Giá trị thương hiệu</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	5.097.820.000	729.470.426	1.000.000.000	6.827.290.426
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.097.820.000</b>	<b>729.470.426</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>6.827.290.426</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	425.524.357	583.333.336	1.008.857.693
Khấu hao trong kỳ	-	36.473.520	49.999.998	86.473.518
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>461.997.877</b>	<b>633.333.334</b>	<b>1.095.331.211</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	5.097.820.000	303.946.069	416.666.664	5.818.432.733
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.097.820.000</b>	<b>267.472.549</b>	<b>366.666.666</b>	<b>5.731.959.215</b>

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
<b>Mua sắm TSCĐ</b>	<b>28.958.738.784</b>	<b>4.258.430.446</b>	<b>20.738.441.927</b>	<b>12.478.727.303</b>
Trụ sở tập đoàn - tầng 7 tòa nhà Sông Đà Hà Đông	28.958.738.784	3.603.832.629	20.106.844.110	12.455.727.303
Mua sắm TSCĐ khác	-	654.597.817	631.597.817	23.000.000
<b>XDCB dở dang</b>	<b>18.051.051.104</b>	<b>5.668.170.756</b>	<b>254.552.727</b>	<b>23.464.669.133</b>
Dự án khai thác và sản xuất đá xây dựng	1.956.687.576	2.382.751.818	-	4.339.439.394
Văn phòng làm việc	1.849.700.208	1.467.753.636	-	3.317.453.844
Dự án KDC Hòa Bình	187.456.459	289.078.924	-	476.535.383
KĐT Nhơn Trạch Đồng Nai	1.873.546.265	73.970.726	-	1.947.516.991
KĐT Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	3.787.482.022	-	-	3.787.482.022
Công trình san lấp mặt bằng xưởng	-	161.000.000	-	161.000.000
Tăng bổ sung công trình khu nhà văn phòng tại Xala	-	254.552.727	254.552.727	-
Nhà máy thủy điện To Buông	8.396.178.574	1.039.062.925	-	9.435.241.499
<b>Cộng</b>	<b>47.009.789.888</b>	<b>9.926.601.202</b>	<b>20.992.994.654</b>	<b>35.943.396.436</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây lắp và Dịch vụ điện Sông Đà <sup>(i)</sup>	Xây lắp và Dịch vụ	33,12%	7.346.183.824	33,12%	8.020.438.559
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà <sup>(ii)</sup>	Xây lắp và Dịch vụ	36%	8.592.464.559	36%	9.299.349.010
<b>Cộng</b>			<b>15.938.648.383</b>		<b>17.319.787.569</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102174012 ngày 12 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà 5.000.000.000 VND, tương đương 33,12% vốn điều lệ. Trong kỳ Tập đoàn đã mua thêm 52.500 cổ phiếu và nhận 80.000 cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã nắm giữ 712.500 cổ phiếu, tương đương 40,69% vốn điều lệ (số đầu năm là 500.000 cổ phiếu, tương đương 33,12% vốn điều lệ).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042561 ngày 20 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Trong kỳ không có biến động về khoản đầu tư này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Giá gốc khoản đầu tư tăng thêm			Giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
		đầu tư tăng thêm	Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ			
Công ty CP Kỹ thuật điện Sông Đà	8.020.438.559	649.956.640	157.764.345	(1.481.975.720)	7.346.183.824	
Công ty CP Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	9.299.349.010	-	585.063.456	(1.291.947.907)	8.592.464.559	
<b>Cộng</b>	<b>17.319.787.569</b>	<b>649.956.640</b>	<b>742.827.801</b>	<b>(2.773.923.627)</b>	<b>15.938.648.383</b>	

### 13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		<b>11.652.000.000</b>		<b>11.652.000.000</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà <sup>(i)</sup>	595.200	5.952.000.000	595.200	5.952.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch <sup>(ii)</sup>	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Công ty CP Cao su Tân Biên <sup>(iii)</sup>		2.200.000.000		2.200.000.000
Công ty CP Sông Đà Hà Nội	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
<b>Trái phiếu (kỳ hạn 36 tháng)</b>		<b>15.000.000.000</b>		<b>15.000.000.000</b>
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	15.000	15.000.000.000	15.000	15.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>26.652.000.000</b>		<b>26.652.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- (i) Tổng vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà theo đăng ký là 8.000.000.000 VND, chiếm 10% vốn điều lệ, trong đó: từ nguồn vốn của Công ty là 4.000.000.000 VND, các cá nhân góp vốn ủy thác qua Công ty là 4.000.000.000 VND. Tại ngày 30/06/2011, số thực góp là 5.952.000.000 VND, trong đó từ ủy thác là 2.022.500.000 VND.
- (ii) Mua cổ phần ủy thác qua Tập đoàn Sông Đà.
- (iii) Mua cổ phần ủy thác qua Tập đoàn Sông Đà. Trong đó, tiền mua cổ phần là 2.000.000.000 VND, phí ủy thác là 200.000.000 VND.

### 14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.916.834.737	1.685.148.590	1.293.275.680	2.308.707.647
Chi phí bóc phủ khai thác dự án đá	1.639.545.454	-	163.954.546	1.475.590.908
Chi phí sử dụng Thương hiệu Sông Đà	1.137.500.000	-	75.000.000	1.062.500.000
Lợi thế thương mại	568.750.000	-	37.500.000	531.250.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	59.008.419	10.494.544	-	69.502.963
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	79.877.381	-	-	79.877.381
Chi phí ISO	100.833.354	-	22.723.866	78.109.488
<b>Cộng</b>	<b>5.502.349.345</b>	<b>1.695.643.134</b>	<b>1.592.454.092</b>	<b>5.605.538.387</b>

### 15. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.500.000	43.000.000

### 16. Lợi thế thương mại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	3.700.000.000	3.700.000.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.700.000.000</b>	<b>3.700.000.000</b>

#### Số đã phân bổ

Số đầu năm	(925.000.000)	(185.000.000)
Phân bổ trong kỳ	(370.000.000)	(740.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(1.295.000.000)</b>	<b>(925.000.000)</b>

#### Giá trị còn lại

Số đầu năm	2.775.000.000	3.515.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.405.000.000</b>	<b>2.775.000.000</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 17. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<b>99.442.656.256</b>	<b>66.344.926.693</b>
Ngân hàng ĐT&PT - CN Đông Đô	8.065.686.662	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – CN Đồng Nai	7.970.216.682	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung	36.791.911.707	32.650.522.205
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	12.899.916.963	20.104.464.934
Ngân hàng NN&PTNT – CN Láng Hạ	33.714.924.242	13.589.939.554
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>15.239.168.113</b>	<b>8.036.623.886</b>
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	13.239.168.113	8.036.623.886
Vay Ông Hà Văn Cường	1.000.000.000	-
Vay Ông Đỗ Quang Cường	1.000.000.000	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<b>10.908.699.864</b>	<b>20.352.207.928</b>
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	4.991.000.000	9.406.000.000
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	1.394.191.800	2.992.191.800
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Quang Trung	2.694.348.828	4.242.992.736
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	1.637.500.000	3.275.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hà Nội	128.413.332	256.826.664
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	63.245.904	179.196.728
<b>Cộng</b>	<b><u>125.590.524.233</u></b>	<b><u>94.733.758.507</u></b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả như sau:

	<u>Vay ngắn hạn</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	74.381.550.579	20.352.207.928	94.733.758.507
Số tiền vay phát sinh	112.518.432.124	-	112.518.432.124
Số tiền vay đã trả	(72.218.158.334)	(9.443.508.064)	(81.661.666.398)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>114.681.824.369</u></b>	<b><u>10.908.699.864</u></b>	<b><u>125.590.524.233</u></b>

### 18. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nhà cung cấp vật tư, thiết bị	39.521.850.889	33.710.774.752
Phải trả nhà cung cấp điện	924.768.518	-
Phải trả nhà cung cấp dịch vụ	1.604.141.989	-
Phải trả nhà thầu xây lắp	136.931.852.042	88.184.357.715
Phải trả nhà cung cấp khác	14.316.303.907	43.507.990.902
<b>Cộng</b>	<b><u>193.298.917.345</u></b>	<b><u>165.403.123.369</u></b>

### 19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước liên quan đến các hợp đồng xây dựng	178.102.980.459	132.943.425.127
Ứng trước tiền mua thành phẩm	417.344.074	-
Các khoản ứng trước khác	742.650.559	2.555.362.395
<b>Cộng</b>	<b><u>179.262.975.092</u></b>	<b><u>135.498.787.522</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.337.785.416	6.561.598.574	7.581.294.514	5.318.089.476
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.157.488.664	3.710.835.103	2.072.216.012	5.796.107.755
Thuế thu nhập cá nhân	343.429.743	366.727.977	230.677.360	479.480.360
Thuế tài nguyên	138.739.350	487.173.601	218.602.271	407.310.680
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	41.067.624	7.000.000	34.067.624
Các loại thuế khác	-	20.000.000	19.000.000	1.000.000
Các khoản phí khác	19.218.650	20.651.810	23.513.500	16.356.960
<b>Cộng</b>	<b><u>10.996.661.823</u></b>	<b><u>11.208.054.689</u></b>	<b><u>10.152.303.657</u></b>	<b><u>12.052.412.855</u></b>

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm	10%
Hoạt động khác	5%

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.892.822.600	20.898.827.504
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(49.482.191)	(1.484.542.340)
- Các khoản điều chỉnh tăng	<u>693.345.610</u>	<u>611.301.294</u>
Chi phí không hợp lệ	323.345.610	241.301.294
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	370.000.000	370.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(742.827.801)</u>	<u>(2.095.843.634)</u>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(100.000.000)
Lãi trong Công ty liên kết	<u>(742.827.801)</u>	<u>(1.995.843.634)</u>
Tổng thu nhập chịu thuế	<u>14.843.340.409</u>	<u>19.414.285.164</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b><u>3.710.835.103</u></b>	<b><u>4.853.571.291</u></b>
<b>Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước</b>	<b>-</b>	<b><u>26.415.950</u></b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>3.710.835.103</u></b>	<b><u>4.879.987.241</u></b>

#### **Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế đơn vị tài nguyên nhân (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 2%/ giá tính thuế.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### **Thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### **Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

## **21. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí các công trình	40.251.004.115	12.273.938.605
Chi phí lãi vay phải trả	210.323.911	225.754.200
Chi phí đã phát sinh chưa có hóa đơn	1.353.376.097	1.972.425.344
Tiền thuê trụ sở Ban chỉ huy	338.158.089	-
Chi phí thuê nhà	177.000.000	-
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản	645.427.019	-
Chi phí phải trả khác	58.514.496	97.107.003
<b>Cộng</b>	<b><u>43.033.803.727</u></b>	<b><u>14.569.225.152</u></b>

## **22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.290.107.483	1.624.225.077
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	2.867.813.696	1.477.038.982
Phải trả các đội tiền khoán công trình	16.762.550.558	20.346.285.314
Chủ đầu tư cấp nguồn chi trả hộ tiền đền bù (chưa quyết toán)	70.154.128	601.875.561
Nhận ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty CP Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà của CBCNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Các quỹ xã hội nhân đạo	135.034.718	216.065.325
Cổ tức phải trả các cổ đông	5.142.339.373	344.201.173
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	4.041.961.481	3.594.147.217
<b>Cộng</b>	<b><u>34.332.461.437</u></b>	<b><u>31.226.338.649</u></b>

## **23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	826.759.590	593.419.778	(391.000.000)	1.029.179.368
Quỹ phúc lợi	532.853.640	890.105.568	(378.200.000)	1.044.759.208
<b>Cộng</b>	<b><u>1.359.613.230</u></b>	<b><u>1.483.525.346</u></b>	<b><u>(769.200.000)</u></b>	<b><u>2.073.938.576</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Ngân hàng ĐT&amp;PT - CN Điện Biên</i></b>	<b>39.170.546.906</b>	<b>39.170.546.906</b>
Hợp đồng tín dụng 02/2004/HĐ-TDDH <sup>(1)</sup>	35.866.123.867	35.866.123.867
Hợp đồng tín dụng 03/2007/HĐ <sup>(2)</sup>	3.304.423.039	3.304.423.039
<b><i>Ngân hàng ĐT&amp;PT - CN Đông Đô</i></b>	<b>89.700.000</b>	<b>89.700.000</b>
Hợp đồng tín dụng số 02.342.09/HĐTĐTH <sup>(3)</sup>	89.700.000	89.700.000
<b><i>Ngân hàng TMCP Công thương - CN Quang Trung</i></b>	<b>4.448.481.717</b>	<b>4.448.481.717</b>
Hợp đồng tín dụng số 028/2007/HĐTD <sup>(4)</sup>	3.141.159.257	3.141.159.257
Hợp đồng tín dụng số 200410/HĐTD <sup>(5)</sup>	98.890.000	98.890.000
Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD <sup>(6)</sup>	587.686.797	587.686.797
Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD <sup>(7)</sup>	620.745.663	620.745.663
<b><i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội</i></b>	<b>463.803.272</b>	<b>463.803.272</b>
Hợp đồng số 207-01.07.10/HĐTĐH/TPB.HN <sup>(8)</sup>	463.803.272	463.803.272
<b><i>Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà</i></b>	<b>17.210.976.000</b>	<b>17.210.976.000</b>
Hợp đồng tín dụng số 00200012/123/09/TH <sup>(9)</sup>	1.129.600.000	1.129.600.000
Hợp đồng tín dụng số 00200012/049/09/DH <sup>(10)</sup>	76.500.000	76.500.000
Hợp đồng tín dụng số 00200012/059/09/DH <sup>(11)</sup>	16.004.876.000	16.004.876.000
<b><i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội <sup>(12)</sup></i></b>	<b>321.033.338</b>	<b>321.033.338</b>
Hợp đồng số 090-0000889/HĐTĐTĐH-PN/SHB	321.033.338	321.033.338
<b>Cộng</b>	<b>61.704.541.233</b>	<b>61.704.541.233</b>

- (1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/09/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐ ngày 28/02/2007, thời hạn vay 114 tháng, vay để trả lãi vay trong thời gian thi công dự án Nhà máy thủy điện Thác Trắng.
- (3) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02.342.09/HĐTĐTH ngày 26/08/2010, vay để đầu tư mua máy móc thiết bị thuộc Dự án nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009.
- (4) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 028/2007/HĐTD ngày 05/03/2007, thời hạn vay 72 tháng với mục đích vay để thực hiện dự án “Khai thác và sản xuất đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường”.
- (5) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 200410/HĐTD ngày 24/04/2010, thời hạn vay 60 tháng với mục đích vay để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”.
- (6) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2009 để thực hiện dự án: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”, giá trị tài sản tạm tính: 2.736.180.225 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

- (7) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2009 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”, giá trị tài sản tạm tính: 3.826.900.000 VND.
- (8) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 07-01.07.10/HĐTD ngày 03 tháng 08 năm 2010 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”, giá trị tài sản tạm tính: 948.501.273 VND.
- (9) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/123/09/TH ngày 12/7/2010, thời hạn vay là 60 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành.
- (10) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/049/09/TH ngày 09/9/2009, thời hạn vay là 36 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua ô tô phục vụ công tác điều hành thi công.
- (11) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00200012/059/09/DH ngày 21/10/2009, thời hạn vay là 120 tháng với mục đích thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7 - tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.
- (12) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 090-0000889/HĐTDTDH-PN/SHB ĐNAI ngày 07 tháng 04 năm 2010, giá trị hợp đồng là 770.480.000 VND, lãi suất vay là 1,42%/tháng với thời hạn vay 36 tháng. Mục đích mua xe ô tô. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Toyota Camry 2.4G, giá trị tài sản thế chấp là 1.101.480.000 VND.

#### **Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống (xem thuyết minh V.17)	10.908.699.864	20.352.207.928
Trên 1 năm đến 5 năm	61.704.541.233	61.704.541.233
Trên 5 năm	-	-
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>72.613.241.097</u></b>	<b><u>82.056.749.161</u></b>

#### **25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm	1.117.802.658
Số trích lập bổ sung	17.820.487
Số đã chi	(26.184.275)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.109.438.870</u></b>

#### **26. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện của hoạt động xây dựng	2.889.258.840	4.123.018.615
Phí ủy thác góp vốn	202.250.000	202.250.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.091.508.840</u></b>	<b><u>4.325.268.615</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 27. Vốn chủ sở hữu

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	32.297.580.408	(128.058.585)	21.349.814.198	1.877.472.470	26.404.860.935	131.801.669.426
Chia cổ tức 2009 bằng cổ phiếu	7.991.410.000	-	-	-	-	-	7.991.410.000
Phát hành cho cổ đông hiện hữu	21.977.560.000	(1.000.000)	-	-	-	-	21.976.560.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	21.721.829.672	21.721.829.672
Phân phối lợi nhuận năm 2009	-	-	-	10.863.439.603	1.064.000.000	(26.455.484.598)	(14.528.044.995)
Tạm PPLN năm 2010	-	-	-	-	-	(4.994.900.000)	(4.994.900.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(111.630.264)	(111.630.264)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>79.968.970.000</b>	<b>32.296.580.408</b>	<b>(128.058.585)</b>	<b>32.213.253.801</b>	<b>2.941.472.470</b>	<b>21.559.575.745</b>	<b>168.851.793.839</b>
Số dư đầu năm nay	79.968.970.000	32.296.580.408	(128.058.585)	32.213.253.801	2.941.472.470	21.559.575.745	168.851.793.839
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	9.297.800.096	9.297.800.096
Phân phối lợi nhuận năm 2010	-	-	-	6.223.762.024	890.105.568	(13.025.735.817)	(5.911.868.225)
<i>Trích quỹ ĐTPT, DPTC</i>	-	-	-	6.223.762.024	890.105.568	(7.113.867.592)	-
<i>Trích quỹ KTPL</i>	-	-	-	-	-	(1.113.730.025)	(1.113.730.025)
<i>Chia cổ tức năm 2009</i>	-	-	-	-	-	-	-
<i>Chia cổ tức năm 2010</i>	-	-	-	-	-	(4.798.138.200)	(4.798.138.200)
Điều chỉnh lợi ích trong Công ty con	-	-	-	-	-	1.233.931.237	1.233.931.237
Điều chỉnh lợi ích trong Công ty liên kết	-	250.000.000	-	-	-	(2.773.923.627)	(2.523.923.627)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>79.968.970.000</b>	<b>32.546.580.408</b>	<b>(128.058.585)</b>	<b>38.437.015.825</b>	<b>3.831.578.038</b>	<b>16.291.647.634</b>	<b>170.947.733.320</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	29.680.000.000	29.680.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	50.288.970.000	50.288.970.000
Thặng dư vốn cổ phần	32.546.580.408	32.296.580.408
Cổ phiếu quỹ	(128.058.585)	(128.058.585)
<b>Cộng</b>	<b><u>112.387.491.823</u></b>	<b><u>112.137.491.823</u></b>

### Cổ tức

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức năm trước	4.798.138.200	7.991.410.000
Tạm ứng cổ tức	-	4.994.900.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.798.138.200</u></b>	<b><u>12.986.310.000</u></b>

### Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.996.897	7.996.897
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.996.897	7.996.897
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.996.897	7.996.897
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.100	5.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.100	5.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.991.797	7.991.797
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.991.797	7.991.797

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## 28. Lợi ích của cổ đông thiểu số

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	56.634.853.920	52.749.722.299
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	1.884.187.401	3.821.003.522
Tăng do cổ đông thiểu số góp vốn thêm vào Công ty con	-	200.000.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh		3.821.003.522
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(5.000.000)	(2.831.050.000)
Giảm do Công ty mẹ mua thêm cổ phần của Công ty con	(2.750.000.000)	-
Giảm khác	(2.185.500.038)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>53.578.541.283</u></b>	<b><u>53.939.675.821</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Doanh thu

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>273.873.789.462</b>	<b>312.386.741.514</b>
Doanh thu bán điện thương phẩm	16.970.589.915	7.171.589.400
Doanh thu hoạt động xây dựng	227.539.689.966	247.610.562.969
Doanh thu hoạt động khác	4.845.091.405	57.604.589.145
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>(18.181.112)</b>	<b>(33.689.615)</b>
Giảm giá hàng bán	(18.181.112)	(33.689.615)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>273.855.608.350</b>	<b>312.353.051.899</b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	7.796.916.004	2.782.270.658
Giá vốn của hoạt động xây dựng	193.107.043.377	221.649.319.477
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.179.070.077	-
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	18.845.425.478	44.581.761.658
<b>Cộng</b>	<b>221.928.454.936</b>	<b>269.013.351.793</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	314.384.554	216.093.257
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	459.560.105	3.216.308.089
Phí bảo lãnh	89.074.526	142.388.111
Doanh thu tài chính khác	157.202.824	306.756.027
<b>Cộng</b>	<b>1.020.222.009</b>	<b>3.881.545.484</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.666.696.262	9.271.308.366
Phí bảo lãnh	746.411.156	142.388.111
Chi phí tài chính khác	8.050.000	-
<b>Cộng</b>	<b>15.421.157.418</b>	<b>9.413.696.477</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	14.173.716.996	11.305.615.248
Chi phí vật liệu quản lý	1.669.923.379	1.205.403.058
Chi phí đồ dùng văn phòng	351.826.275	385.584.219
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.413.243.343	902.621.967
Thuế, phí và lệ phí	276.024.386	323.759.422
Phân bổ lợi thế thương mại	370.000.000	370.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.215.518.689	2.857.329.855
Chi phí bằng tiền khác	3.648.225.496	4.039.843.898
<b>Cộng</b>	<b>24.118.478.564</b>	<b>21.390.157.667</b>

### 6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản cố định	367.336.364	44.565.000
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản góp vốn	-	2.565.539.679
Thu nhập từ bán đầu	-	800.689.173
Tiền bán hồ sơ thầu	909.091	3.181.818
Xử lý công nợ không phải trả	368.871.623	-
Phí bảo lãnh công trình	113.521.984	-
Thu nhập khác	55.628.057	44.539.460
<b>Cộng</b>	<b>906.267.119</b>	<b>3.458.515.130</b>

### 7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	37.714.512	-
Xử lý khoản nợ phải thu không thu được	-	10.001.263
Tiền phạt chậm nộp thuế, BHXH và khác	90.420.717	84.301.294
Chi phí mua đầu	-	792.853.104
Chi phí khác	35.876.532	40.000.500
<b>Cộng</b>	<b>164.011.761</b>	<b>927.156.161</b>

### 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

Là phần lợi ích Công ty Cổ phần Sông Đà 11 được hưởng từ lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2011 của các công ty liên kết.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.297.800.096	12.197.836.741
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.297.800.096	12.197.836.741
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.996.897	4.994.900
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.163</b>	<b>2.442</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.996.897	4.994.900
Ảnh hưởng của việc tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>7.996.897</b>	<b>4.994.900</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	986.888.092	1.400.942.987

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Sông Đà	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tập đoàn Sông Đà</b>		
Thu hồi vốn cho Tập đoàn vay	-	4.763.535
Phụ phí công trình Nậm Chiến đã trả bằng gán trừ công nợ	313.203.534	330.359.929
Nhận ứng trước tiền CT Thủy điện Nậm Chiến	11.911.796.466	4.058.293.894
<b>Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà</b>		
Cổ tức được chia	-	100.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà</b>		
<b>Giao dịch mua hàng</b>		
Giá trị xây lắp hoàn thành	25.781.653.933	44.125.609.835
Thuế GTGT	2.578.165.393	4.412.560.984
<b>Giao dịch bán hàng</b>		
Doanh thu bán điện trong kỳ	826.795	-
Thuế GTGT	82.680	-
Giảm trừ doanh thu do quyết toán	(18.181.112)	-
Thuế GTGT	(1.818.111)	-
<b>Giao dịch khác</b>		
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	77.096.092	-
Cho vay vốn lưu động	-	25.085.463.374
Thu hồi vốn vay	-	17.864.311.871
Lãi vay vốn lưu động	-	629.377.731
Góp vốn bằng tài sản và công nợ	-	7.200.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tập đoàn Sông Đà</b>		
Phải thu về công trình xây dựng	364.235.777	364.235.777
<b>Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà</b>	-	100.000.000
Phải thu tiền cổ tức	-	100.000.000
<b>Công ty Cổ phần Xây lắp và dịch vụ Sông Đà</b>	16.548.296.698	38.469.205.965
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	16.548.296.698	31.248.054.462
Cho vay vốn lưu động	-	7.221.151.503
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>16.912.532.475</b>	<b>38.933.441.742</b>
<b>Tập đoàn Sông Đà</b>		
Phải trả về phụ phí công trình Nậm Chiến	12.225.270.353	4.058.855.247
	270.353	561.353
Phải trả về tiền ứng trước công trình Nậm Chiến	12.225.000.000	4.058.293.894
<b>Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà</b>	30.184.560.232	31.386.812.799
Phải trả về giá trị công trình xây dựng	30.184.560.232	31.386.812.799
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>42.409.830.585</b>	<b>35.445.668.046</b>

## 2. Chi phí lãi vay vốn hoá

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt	267.292.443	988.075.521
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay chung	-	-
<b>Tổng chi phí lãi vay vốn hoá</b>	<b>267.292.443</b>	<b>988.075.521</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

#### *Lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực ngoài xây lắp: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	227.465.763.518	46.389.844.832		273.855.608.350
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	15.260.966.502	-	(15.260.966.502)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>242.726.730.020</u></b>	<b><u>46.389.844.832</u></b>	<b><u>(15.260.966.502)</u></b>	<b><u>273.855.608.350</u></b>
Chi phí bộ phận	(228.509.309.301)	(32.428.590.701)	14.890.966.502	(246.046.933.500)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>14.217.420.719</u>	<u>13.961.254.131</u>		27.808.674.850
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				<u>27.808.674.850</u>
Doanh thu hoạt động tài chính				1.020.222.009
Chi phí tài chính				(15.421.157.418)
Thu nhập khác				906.267.119
Chi phí khác				(164.011.761)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				742.827.801
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.710.835.103)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b><u>11.181.987.497</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>763.735.703.884</u>	<u>124.980.172.643</u>	<u>(56.033.714.993)</u>	832.682.161.534
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>79.036.419.614</u>
<b>Tổng tài sản</b>				<b><u>911.718.581.148</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>637.853.624.057</u>	<u>88.274.144.633</u>	<u>(56.033.714.993)</u>	670.094.053.697
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>17.098.252.848</u>
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b><u>687.192.306.545</u></b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà – Hà Đông, km10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ** (tiếp theo)

---

#### **4. Thay đổi ước tính kế toán**

Trong kỳ Tập đoàn giảm thời gian khấu hao loại máy móc thiết bị là các loại máy bơm nước của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Sông Đà 11) từ 6 năm xuống 3 năm vì thực tế sử dụng những năm qua cho thấy thời gian khấu hao các năm trước chưa hợp lý. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao kỳ này tăng 113.098.219 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

#### **5. Thông tin so sánh**

Số dư đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét bởi A&C.

Lập, ngày 31 tháng 8 năm 2011

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

---

**Phạm Thị Dung**

---

**Trần Văn Ngự**

---

**Nguyễn Văn Sơn**